

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2208/2023/DS-ST

Ngày: 09/11/2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Hòa Bình

2. Bà Nguyễn Thị Bích Thân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự thụ lý số 1344/2022/TLST- DS ngày 29 tháng 06 năm 2022; về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 625/2023/QĐXX – ST ngày 22/9/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 519/2023/QĐ – HPT ngày 17/10/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TNHH một thành viên M

Địa chỉ: Từ P1810 đến P1815 – Tòa tháp Keangnam Hanoi Landmark – E6 PH, phường T, quận N, Thành phố Hà Nội.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Hồ Nhật H (Giấy ủy quyền số 556/LC-SCBVL.23 ngày 08/03/2023) (Có mặt)

Địa chỉ: Lầu 3, Tòa nhà Mapletree – Số 1060 NVL, Phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Xuân Kiều T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: 111/1-2 NQ, Phường H, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: 152/2 NVT, Phường O, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/05/2021, các bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, đại diện nguyên đơn trình bày:

Căn cứ theo Đơn xác lập quan hệ khách hàng, ngày 22/8/2019 về việc đề nghị Ngân hàng TNHH một thành viên M (Gọi tắt là Ngân hàng M) có chữ ký của bà Trần Xuân Kiều T, căn cứ bản Các điều khoản và điều kiện khoản vay tiêu dùng cá nhân và các tài liệu khác kèm theo hồ sơ tín dụng, Ngân hàng M đã cấp tín dụng cho bà Trần Xuân Kiều T theo chi tiết như sau:

Khoản vay số: 1357573

Số tiền vay: 292.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi hai triệu đồng)

Số tiền giải ngân: 292.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi hai triệu đồng)

Ngày giải ngân: 23/9/2019

Đồng tiền vay vốn: Việt Nam đồng

Thời hạn vay: 60 tháng (đến ngày 25/9/2024)

Mục đích: Vay tiêu dùng

Lãi suất vay được quy định như sau: Lãi suất trong hạn: 15%; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Trong Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên (Từ ngày giải ngân 23/9/2019) đến nay, bà Trần Xuân Kiều T đã thanh toán cho Ngân hàng M tổng số tiền là 62.866.196 đồng, trong đó: nợ gốc là 37.170.462 đồng, lãi là 25.695.734 đồng.

Do bà Trần Xuân Kiều T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ (thanh toán không đầy đủ khoản nợ hàng tháng kể từ kỳ tháng 4/2020). Do đó, ngày 14/4/2021 Ngân hàng M đã có thông báo chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn đối với bà Trần Xuân Kiều T và đề nghị bà thanh toán toàn bộ dư nợ còn thiếu của khoản vay nêu trên. Tuy nhiên, tính đến nay bà Trần Xuân Kiều T vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán đối với số nợ còn lại.

Nay Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Xuân Kiều T phải trả số tiền còn thiếu nợ bao gồm: nợ gốc, nợ lãi, phí/phạt tạm tính đến ngày 25/10/2020 với tổng số tiền là 274.016.641 đồng, trong đó: Nợ gốc: 254.829.538 đồng; Nợ lãi: 18.692.018 đồng; Lãi phạt và phí: 495.085 đồng. *(Bằng chữ: hai trăm bảy mươi bốn triệu, mười sáu nghìn, sáu trăm bốn mươi một đồng).*

Ngoài ra, yêu cầu bà Trần Xuân Kiều T còn phải thanh toán cho Ngân hàng TNHH một thành viên M tiền lãi chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn quy định đối với khoản vay của bà Trần Xuân Kiều T tương đương 22,5%/năm tính trên tổng dư nợ gốc thực tế chưa thanh toán kể từ sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi bà Trần Xuân Kiều T hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn bà Trần Xuân Kiều T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn ông Phạm Hồ Nhật Hòa trình bày và nộp cho Hội đồng xét xử bản tự khai thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện như sau:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Xuân Kiều T phải trả số tiền còn thiếu nợ bao gồm nợ gốc, nợ lãi, phí/phạt tạm tính đến ngày 25/10/2020 với tổng số tiền là 274.016.641 đồng, trong đó: Nợ gốc: 254.829.538 đồng; Nợ lãi: 18.692.018 đồng; Lãi phạt và phí: 495.085 đồng. *(Bằng chữ: hai trăm bảy mươi bốn triệu, mười sáu nghìn, sáu trăm bốn mươi một đồng).*

Yêu cầu bà Trần Xuân Kiều T tiếp tục phải chịu lãi xuất theo thỏa thuận trong hợp đồng từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (từ ngày 10/11/2023) cho đến khi thi hành xong các khoản nợ cho Ngân hàng TNHH một thành viên M

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa sơ thẩm nhận xét:

** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:*

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định; Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

+ Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS.

+ Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

+ Đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, người đại diện đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 85, 86 Bộ luật tố tụng dân sự.

** Về nội dung vụ án:*

Ngân hàng TNHH một thành viên M hoạt động các lĩnh vực được ghi nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, MST: 0103617147 của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hà Nội và Bà Trần Xuân Kiều T có nhu cầu sử dụng là tiêu dùng.

Ngày 22/8/2019, Bà Trần Xuân Kiều T và Ngân hàng TNHH một thành viên M ký hợp đồng vay tiền. Bà T đã đăng ký khoản vay với số tiền là 300.000.000 đồng, lãi suất 15%/năm.

Căn cứ trích lục hợp đồng vay ngày 26/9/2019 và sao kê tài khoản ngân hàng số 99380073399 thì ngày 23/9/2019, nguyên đơn đã giải ngân số tiền vô tài khoản ngân hàng là 292.000.000 đồng. Do đó có cơ sở xác định bà T đã vay của Ngân hàng số tiền 292.000.000 đồng.

Căn cứ vào bảng tính lãi chi tiết mà nguyên đơn cung cấp: Số tiền nợ gốc mà bà T đã thanh toán là: 37.170.462 đồng, tiền lãi đã thanh toán là 25.685.734 đồng. Do đó số tiền nợ gốc mà bà T còn phải trả là: $292.000.000 - 37.170.462 = 254.829.538$ đồng, lãi trong hạn còn phải trả: $25.695.734 - 7.003.716 = 18.692.018$ đồng và tiền lãi quá hạn còn phải thanh toán là 495.085 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả nợ. Nguyên đơn đã liên hệ yêu cầu bà Kiều T thanh toán nợ cho ngân hàng. Việc vi phạm của bị đơn trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn cho nên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng theo Điều 9 của hợp đồng nên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về phần nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

* *Về án phí*: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định, hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng TNHH một thành viên M với bà bà Trần Xuân Kiều T là tranh chấp Hợp đồng thẻ tín dụng. Theo Quyết định cung cấp tài liệu, chứng cứ số 491/2023/QĐ-CCTLCC ngày 09/03/2023 của Công an phường 25, quận Bình Thạnh xác định bị đơn bà Trần Xuân Kiều T, sinh năm 1987 có đăng ký tạm trú và thực tế tại 152/2 Nguyễn Văn Thương, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

2. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà bà Trần Xuân Kiều T, đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ, các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý, giấy triệu tập đến tòa trình bày lời khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử + Các bản pho to về Biên bản về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình thông qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ theo Đơn xác lập quan hệ khách hàng ngày 22/8/2019 về việc đề nghị Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) có chữ ký của bà Trần Xuân Kiều T; Căn cứ trích lục hợp đồng vay ngày 26/9/2019 và sao kê tài khoản ngân hàng số 99380073399 thì ngày 23/9/2019, nguyên đơn đã giải ngân số tiền vô tài khoản ngân hàng của bà Trần Xuân Kiều T số tiền là 292.000.000 đồng. Do đó có cơ sở xác định bà T đã vay của Ngân hàng số tiền 292.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã thanh toán cho Ngân hàng SCBVL tổng số tiền là 62.866.196 đồng, trong đó: nợ gốc là 37.170.462 đồng, lãi là 25.695.734 đồng. Tuy nhiên, từ kỳ tháng 4/2020 bà đã không thanh toán tiền gốc và lãi cho ngân hàng. Do bà T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ như thỏa thuận nên từ ngày 14/4/2021 ngân hàng đã thông báo chấm dứt hợp đồng và thu hồi nợ trước hạn đối với số tiền nợ còn lại là 274.016.641 đồng ((Bằng chữ: hai trăm bảy mươi bốn triệu, mười sáu nghìn, sáu trăm bốn mươi một đồng). Trong đó nợ gốc là: 254.829.538 đồng; Nợ lãi là 18.692.018 đồng; Lãi phạt và phí: 495.085 đồng.

Hội đồng xét xử xét:

Căn cứ vào như nội dung thỏa thuận trong Đơn xác lập quan hệ khách hàng do bà Trần Xuân Kiều T ký ngày 22/8/2019; Căn cứ trích lục hợp đồng vay ngày 26/9/2019 và sao kê tài khoản ngân hàng số 99380073399 thì ngày 23/9/2019, nguyên đơn đã giải ngân số tiền vô tài khoản ngân hàng của bà Trần Xuân Kiều T số tiền là 292.000.000 đồng. Do đó có cơ sở xác định bà T đã vay của Ngân hàng số tiền 292.000.000 đồng. Việc ký kết các văn bản giữa đôi bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Việc bị đơn không thanh toán nợ đúng thỏa thuận cho nguyên đơn mặc dù nguyên đơn đã nhắc nhở trong một thời gian dài đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do vậy, Căn cứ Điều 463, Điều 468, Điều 470; điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả toàn bộ số tiền còn thiếu nợ là 274.016.641 đồng (Bằng chữ: hai trăm bảy mươi bốn triệu, mười sáu nghìn, sáu trăm bốn mươi một đồng). Trong đó nợ gốc là: 254.829.538 đồng; Nợ lãi là 18.692.018 đồng; Lãi phạt và phí: 495.085 đồng cho nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán một thời gian dài, nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận, đồng thời điều này cũng phù hợp với lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi từ ngày 26/10/2020 đến ngày 09/11/2023. Đây là sự tự nguyện không trái pháp luật và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu buộc bà Trần Xuân Kiều T tiếp tục phải chịu lãi xuất theo thỏa thuận trong hợp đồng từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (từ ngày 10/11/2023) cho đến khi thi hành xong các khoản nợ cho Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam). Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQQ-HĐTP ngày 01/01/2019 có quy định: Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”. Do đó yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Trần Xuân Kiều T tiếp tục chịu lãi phát sinh sau khi xét xử là có cơ sở chấp nhận.

3. Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 429; Điều 463, Điều 468, Điều 470; điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Các khoản 3 và 4 Điều 8, Điều 10, điểm a, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TNHH một thành viên M.

Buộc bà Trần Xuân Kiều T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TNHH một thành viên M số tiền còn nợ là 274.016.641 đồng (Bằng chữ: hai trăm bảy mươi bốn triệu, mười sáu nghìn, sáu trăm bốn mươi một đồng). Trong đó nợ gốc là: 254.829.538 đồng; Nợ lãi là 18.692.018 đồng; Lãi phạt và phí: 495.085 đồng cho nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Phương thức thanh toán: Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ sau ngày xét xử (từ ngày 10/11/2023) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 13.703.082 đồng (Mười ba triệu bảy trăm lẻ ba ngàn không trăm tám mươi hai đồng), bà Trần Xuân Kiều T phải nộp.

Ngân hàng TNHH một thành viên M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.850.416 đồng (Sáu triệu tám trăm năm mươi ngàn bốn trăm mười sáu đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0050342 ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ngân hàng TNHH một thành viên M.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- THADS quận Bình Thạnh;
- THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy

